

NGHỊ ĐỊNH

**Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2007/NĐ-CP
ngày 25 tháng 7 năm 2007 quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài
trong hoạt động dầu khí**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2007 quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí như sau:

1. Bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Người điều hành là doanh nghiệp do Nhà đầu tư thành lập theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định này để triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài.”

2. Khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Hoạt động hình thành dự án dầu khí do Nhà đầu tư tiến hành ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam nhằm hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài, bao gồm:

a) Nghiên cứu thị trường và cơ hội đầu tư;

b) Khảo sát thực địa;

c) Nghiên cứu tài liệu;

d) Thu thập và mua tài liệu, thông tin có liên quan đến lựa chọn dự án dầu khí;



d) Tổng hợp, đánh giá, thẩm định, kể cả việc lựa chọn và thuê chuyên gia tư vấn để đánh giá, thẩm định dự án;

e) Chủ trì, tham gia tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học;

g) Thành lập và hoạt động của các doanh nghiệp theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định này, hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng liên lạc, chi nhánh, văn phòng điều hành của Nhà đầu tư ở nước ngoài liên quan đến việc hình thành dự án dầu khí;

h) Tham gia đấu thầu quốc tế, đặt cọc, ký quỹ hoặc các hình thức bảo lãnh tài chính khác theo yêu cầu của bên mời thầu, nước tiếp nhận đầu tư liên quan đến điều kiện tham gia đấu thầu;

i) Đàm phán hợp đồng dầu khí;

k) Mua hoặc thuê tài sản hỗ trợ cho việc hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài;

l) Các hoạt động cần thiết khác.”

3. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Thẩm quyền chấp thuận đầu tư và quyết định đầu tư

1. Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu tư đối với các dự án dầu khí sau:

a) Dự án dầu khí được hình thành thông qua ký kết hợp đồng dầu khí có sử dụng vốn nhà nước từ 3.000 tỷ đồng trở lên hoặc vốn của các thành phần kinh tế từ 5.000 tỷ đồng trở lên.

b) Dự án dầu khí được hình thành thông qua chuyển nhượng quyền lợi tham gia vào hợp đồng dầu khí, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ công ty có sử dụng vốn nhà nước từ 5.000 tỷ đồng trở lên hoặc vốn của các thành phần kinh tế từ 8.000 tỷ đồng trở lên.

2. Đại diện chủ sở hữu hoặc Nhà đầu tư quyết định đầu tư các dự án dầu khí không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án dầu khí phù hợp với quy định tại Điều 16 Nghị định số 121/2007/NĐ-CP.”

4. Bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau:

“5. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập doanh nghiệp của Người điều hành và hợp đồng ủy quyền giữa Nhà đầu tư với Người điều hành trong trường hợp có sự tham gia của Người điều hành vào dự án dầu khí.”



5. Bổ sung khoản 7 Điều 11 như sau:

“7. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập doanh nghiệp của Người điều hành và hợp đồng ủy quyền giữa Nhà đầu tư với Người điều hành trong trường hợp có sự tham gia của Người điều hành vào dự án dầu khí.”

6. Điểm a khoản 1 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tư cách pháp lý của Nhà đầu tư và Người điều hành;”

7. Khoản 4, 5 và 6 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Đối với dự án dầu khí thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của đại diện chủ sở hữu hoặc Nhà đầu tư, trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm tra dự án dầu khí và cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

5. Đối với dự án dầu khí được hình thành thông qua ký kết hợp đồng dầu khí thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo kết quả thẩm tra kèm theo ý kiến của các Bộ, ngành liên quan và đề xuất ý kiến về dự án.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

6. Trường hợp hồ sơ dự án sau khi thẩm tra không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Nhà đầu tư có quyền khiếu nại việc không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.”

8. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Rút ngắn thời hạn thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư

Việc thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dầu khí được hình thành thông qua chuyển nhượng quyền lợi tham gia vào hợp đồng dầu khí, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ công ty và các dự án dầu khí khác mà Nhà đầu tư giải trình rõ lý do cấp bách xin rút ngắn thời hạn thẩm tra được tiến hành như sau:

1. Nhà đầu tư gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan văn bản đề nghị rút ngắn thời hạn thẩm tra kèm hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 121/2007/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì họp với các Bộ, ngành có liên quan để thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay cho thủ tục xin ý kiến các Bộ, ngành theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 12 Nghị định số 121/2007/NĐ-CP.



3. Đối với dự án dầu khí thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của đại diện chủ sở hữu hoặc Nhà đầu tư, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức họp với các Bộ, ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư, trừ trường hợp hồ sơ thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư không được chấp thuận. Trường hợp hồ sơ dự án sau khi thẩm tra không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Nhà đầu tư có quyền khiếu nại việc không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Đối với dự án dầu khí thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức họp với các Bộ, ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo kết quả thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư và đề xuất ý kiến về dự án.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư cho Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Nhà đầu tư đăng ký kinh doanh (đối với Nhà đầu tư là tổ chức) hoặc có hộ khẩu thường trú (đối với Nhà đầu tư là cá nhân Việt Nam)."

9. Khoản 1 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Khi có nhu cầu điều chỉnh dự án dầu khí đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư liên quan đến hình thức đầu tư, thời hạn thực hiện dự án hoặc các thay đổi liên quan đến Nhà đầu tư, Người điều hành hoặc tổng mức đầu tư của dự án sau khi điều chỉnh có thay đổi từ 30% trở lên so với tổng mức đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư thì Nhà đầu tư phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư."

10. Khoản 1 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Dự án dầu khí thuộc diện đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh là các dự án được điều chỉnh về hình thức đầu tư, thời hạn thực hiện dự án hoặc các thay đổi liên quan đến Nhà đầu tư, Người điều hành hoặc tổng mức đầu tư của dự án sau khi điều chỉnh có thay đổi từ 30% trở lên so với tổng mức đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư, nhưng tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh không vượt quá 15 tỷ đồng."

11. Khoản 1 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Dự án dầu khí thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh là các dự án sau khi điều chỉnh có tổng mức đầu tư thay đổi từ 30% trở lên so với tổng mức đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư và vượt quá 15 tỷ đồng."



12. Điểm d và d khoản 3 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Đối với dự án dầu khí được hình thành thông qua ký kết hợp đồng dầu khí thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và dự án dầu khí sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư có sử dụng vốn nhà nước từ 3.000 tỷ đồng trở lên hoặc vốn của các thành phần kinh tế từ 5.000 tỷ đồng trở lên, trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo kết quả thẩm tra kèm ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan và đề xuất ý kiến về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.

đ) Đối với dự án dầu khí không thuộc quy định tại điểm d khoản 3 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm tra hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”

13. Bổ sung Điều 16a như sau:

“Điều 16a. Rút ngắn thời hạn thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh

Việc thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh đối với dự án dầu khí được hình thành thông qua chuyển nhượng quyền lợi tham gia vào hợp đồng dầu khí, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ công ty và các dự án dầu khí khác mà Nhà đầu tư giải trình rõ lý do cấp bách xin rút ngắn thời hạn thẩm tra được tiến hành như sau:

1. Nhà đầu tư gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan văn bản đề nghị rút ngắn thời hạn thẩm tra kèm hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 121/2007/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì họp với các Bộ, ngành có liên quan để thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh thay cho thủ tục xin ý kiến các Bộ, ngành theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16 Nghị định số 121/2007/NĐ-CP.

3. Đối với dự án dầu khí thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của đại diện chủ sở hữu hoặc Nhà đầu tư, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức họp với các Bộ, ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, trừ trường hợp hồ sơ thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư không được chấp thuận điều chỉnh. Trường hợp hồ sơ dự án sau khi thẩm tra không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Nhà đầu tư có quyền khiếu nại việc không chấp thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Đối với dự án dầu khí thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và dự án dầu khí sau khi điều chỉnh có tổng mức đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức họp với các Bộ, ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo kết quả thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh và đề xuất ý kiến về điều chỉnh dự án.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sao gửi Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh cho Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Nhà đầu tư đăng ký kinh doanh (đối với Nhà đầu tư là tổ chức) hoặc có hộ khẩu thường trú (đối với Nhà đầu tư là cá nhân Việt Nam)."

14. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 19. Thành lập pháp nhân mới và thẩm quyền của Người điều hành

1. Để chuẩn bị đầu tư hoặc thực hiện hoạt động hình thành dự án dầu khí hoặc để triển khai dự án dầu khí, Nhà đầu tư được phép thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp mới tại Việt Nam, tại nước tiếp nhận đầu tư hoặc ở nước thứ ba theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp Nhà đầu tư uỷ quyền cho Người điều hành triển khai dự án dầu khí, Người điều hành được ghi tên trong Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Nhà đầu tư theo quy định của các Điều 10, 12, 13, 15 và 16 Nghị định số 121/2007/NĐ-CP và khoản 13 Điều 1 Nghị định này. Người điều hành được phép sử dụng Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh để phục vụ các hoạt động liên quan đến triển khai dự án. Nhà đầu tư và Người điều hành chịu trách nhiệm về việc triển khai dự án phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh và theo quy định của pháp luật."

15. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 21. Chấm dứt và thanh lý dự án dầu khí

1. Trước khi chấm dứt hoạt động của dự án dầu khí, Nhà đầu tư phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này để xem xét, quyết định.

2. Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án dầu khí ở nước ngoài được thực hiện phù hợp với quy định của hợp đồng dầu khí, pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư."

16. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Chi phí không có khả năng thu hồi

Trong trường hợp dự án dầu khí không có khả năng thu hồi chi phí, Nhà đầu tư được phép phân bổ phần chi phí đó vào chi phí sản xuất kinh doanh của Nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 năm, kể từ ngày kết thúc dự án dầu khí. Đối với Nhà đầu tư thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 142/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, dự án dầu khí không có khả năng thu hồi chi phí của Nhà đầu tư này được thực hiện theo quy định của Nghị định số 142/2007/NĐ-CP, Nghị định số 121/2007/NĐ-CP và Nghị định này.”

17. Khoản 1 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư và pháp luật Việt Nam, Nhà đầu tư được giữ lại ở nước ngoài lợi nhuận của dự án dầu khí để phục vụ các mục đích sau:

a) Tái đầu tư cho dự án dầu khí đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh;

b) Đầu tư cho các dự án dầu khí khác ở nước ngoài của Nhà đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.”

18. Khoản 2 Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Nhà đầu tư được chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư để đáp ứng các chi phí về hoạt động hình thành dự án dầu khí theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

19. Cụm từ “Bộ Công Thương” thay cho cụm từ “Bộ Công nghiệp” và “Bộ Thương mại” trong Nghị định số 121/2007/NĐ-CP.

20. Cụm từ “chứng thực” thay cho cụm từ “công chứng” tại các Điều 9, 11, 15 và Điều 16 Nghị định số 121/2007/NĐ-CP.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2009.



Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). Trang 290

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng